TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25 – 6 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng.

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã N, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã N, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ, thể hiện*:

Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau; khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, được gia đình hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, anh Đ xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu xin được ly hôn với chị M.

Quá trình chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 20/7/2011 do anh Đ đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi Gia B, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung, nợ và các vấn đề khác: Không có.

** Đối với chị Nguyễn Thị M*: Mặc dù đã được tống đạt thông báo về việc

thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng chị M không có ý kiến gì về các nội dung khởi kiện của anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị M chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau. Theo anh Đ, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, được gia đình hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được; do vậy, anh Đ xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu xin được ly hôn với chị M. Đối với chị M không có ý kiến gì về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của anh Đ.

Xét yêu cầu của anh Đ, thấy rằng: Hôn nhân của các đương sự có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; tuy nhiên, anh Đ yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử chị M đều vắng mặt, thể hiện việc chị M không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thực sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Đ ly hôn với chị M là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu việc nuôi con sau khi ly hôn của anh Đ phù hợp với nguyện vọng của Nguyễn Gia B, trong khi đó chị M không có ý kiến gì về yêu cầu này của anh Đ; do vậy, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giao Gia B cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết nên chấp nhận yêu cầu của anh Đ là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về nội dung này sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ và các vấn đề khác: Anh Đ xác định không có, chị M không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Đ phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ.

- Về hôn nhân: Cho anh Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

- Về con chung: Giao Nguyễn Gia B, sinh ngày 20/7/2011 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0001157 ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi thì anh Đ đã nộp xong án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn